

NHÂN DANH

Bản án số: 41/2022/DS-PT. **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Ngày: 26/01/2022.

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
tín dụng.*

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần:

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trí Cường.
Các thẩm phán: Ông Vũ Toàn Giang và bà Đặng Mạnh Cẩm Yên.
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Ngô Phương Liên, Kiểm sát viên.

Ngày 26/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tiến hành xét xử công khai theo trình tự phúc thẩm vụ án dân sự đã thụ lý số 235/2021/TLPT-DS ngày 11/6/2021 do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DSST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện G.L giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/QĐXX-DS ngày 05/01/2022.

Vụ án xét xử giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các t.c.t.d Việt Nam (sau đây viết tắt là V).
- Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đ.D.
- Địa chỉ: Số 199 N.L.B, phường T.B, thành phố H.D, tỉnh H.D. Ủy quyền lại cho:

1. Ông N.N.D, Giám đốc Chi nhánh T.L.
2. Bà T.T.H, Phó giám đốc Phòng khách hàng bán lẻ Chi nhánh T.L.
3. Bà T.T.T, Trưởng phòng tổ tụng – Khối quản lý nợ có vấn đề.
4. Ông N.H.Đ, Chuyên viên tổ tụng – Khối quản lý nợ có vấn đề.

Địa chỉ: Tòa nhà T.YPlaza, số 1 T.H, quận C.G, thành phố Hà Nội.

Bà T.T.H, bà T.T.T và ông N.H.Đ có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn:

- 1 Ông N.V.Q, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn Đ.X, xã Đ.X, huyện G.L, thành phố Hà Nội.

2. Bà N.T.H.A, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Phòng 505 F8 Dựng Cù 1, phường T.X.T, quận T.X, thành phố Hà Nội.

Bà N.T.H.A vắng mặt và ủy quyền cho ông N.V.Q có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa gồm:

1. Bà N.T.X, sinh năm 1951.
2. Chị N.T.P.T, sinh năm 1976.
3. Cháu Đ.V.L.Đ, sinh năm 2010.
4. Cháu Đ.T.M.T, sinh năm 2017.

Cùng địa chỉ: P 412 Chung cư A.L, ngõ 43 P.K, phường T.V, quận N.T.L, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

Ngày 29/11/2011 O bank là tên viết tắt của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.D nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đ.D – Chi nhánh T.L ký Hợp đồng tín dụng số 0462/2011/HDDTD2-O BANK07 với ông N.V.Q và bà N.T.H.A. Nội dung hợp đồng tín dụng như sau:

- Ông N.V.Q và bà N.T.H.A vay O bank số tiền 1.430.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên;
- Mục đích vay tiêu dùng (sửa chữa nhà cửa và lắp đặt thiết bị);
- Lãi suất 18% một năm;
- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;
- Lãi suất phạt chậm trả bằng 150% lãi trong hạn;
- Phương thức trả gốc và lãi vào cuối kỳ.

Cùng ngày 29/11/2011, ông N.V.Q và bà N.T.H.A đã ký giấy nhận nợ có nội dung: Toàn bộ số tiền nợ 1.430.000.000 đồng được rút vốn bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Công ty cổ phần thiết kế kiến trúc L.V số 3555355.279525.00038 tại OJB-CN T.L - PGD D.K theo ủy nhiệm chi của ông N.V.Q.

Căn cứ vào giấy nhận nợ mà ông N.V.Q và bà N.T.H.A đã ký, O bank thực hiện chuyển khoản toàn bộ số tiền vay 1.430.000.000 đồng vào tài khoản của ông N.V.Q số 35535533892400017. Sau đó, theo ủy nhiệm chi mà ông N.V.Q đã ký ngày 29/11/2011 số bút toán 355CI01113330010 thì toàn bộ tiền giải ngân 1.430.000.000 đồng được chuyển khoản đến số tài khoản 3555355.279525.00038 của Công ty cổ phần thiết kế kiến trúc L.V tại OJB-CN T.L – PGD D.K để thanh toán theo hợp đồng sửa chữa và lắp đặt thiết bị.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, ông N.V.Q và bà N.T.H.A thế chấp tài sản của mình là căn hộ số 412 đơn nguyên B tầng 4 thuộc

Toà chung cư 17 tầng - Dự án khu nhà ở P.K, phường T.V, quận N.T.L, thành phố Hà Nội. Hợp đồng thế chấp giữa hai bên được Văn phòng công chứng Đ và Đồng nghiệp chứng thực số 111998/HĐTC, quyển số 14 ngày 29/11/2011. Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội ngày 16/12/2011. Sau đó, ông N.V.Q và bà N.T.H.A ký hợp đồng uỷ quyền công chứng số 111999/HĐUQ ngày 29/11/2011 uỷ quyền tài sản thế chấp cho O bank.

Hết thời hạn hợp đồng, ông N.V.Q và bà N.T.H.A không trả tiền cho O bank nên khoản nợ chuyển sang quá hạn từ ngày 30/11/2012. Mặc dù đôn đốc, nhắc nhở tạo điều kiện thu xếp tài chính nhưng ông N.V.Q và bà N.T.H.A không hợp tác trả nợ.

Ngày 21/12/2016 O bank nộp đơn khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân huyện G.L với yêu cầu:

1. Buộc ông N.V.Q và bà N.T.H.A phải trả cho O bank theo Hợp đồng tín dụng đã ký (tạm tính đến 22/7/2020) là 5.296.768.143 đồng, bao gồm:

- Tiền gốc vay: 1.430.000.000 đồng.
- Tiền lãi trong hạn: 281.948.333 đồng.
- Tiền lãi quá hạn: 2.994.420.000 đồng.
- Phạt chậm trả lãi: 590.399.810 đồng.

2. Buộc ông N.V.Q và bà N.T.H.A tiếp tục phải chịu lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 23/7/2020 theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả được toàn bộ khoản vay.

3. Trường hợp ông N.V.Q và bà N.T.H.A không thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì O bank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý kê biên và tổ chức phát mại tài sản đã thế chấp là căn hộ số 412 đơn nguyên B tầng 4 công trình: Tòa nhà chung cư 17 tầng thuộc dự án khu nhà ở P.K, xã T.V, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là địa chỉ: P412 Chung cư A.L, ngõ 43 P.K, phường T.V, quận N.T.L, thành phố Hà Nội).

4. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm nếu không đủ trả nợ và các chi phí phát sinh khác (nếu có) thì ông N.V.Q và bà N.T.H.A tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho O bank đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

5. Buộc ông N.V.Q và bà N.T.H.A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*** Quan điểm của bị đơn ông N.V.Q:**

Về hợp đồng tín dụng: Ông N.V.Q thừa nhận đã ký hợp đồng tín dụng như nguyên đơn O bank trình bày. Tuy nhiên, ông N.V.Q cho rằng: Việc ký hợp đồng

tín dụng nêu trên là do cán bộ Ngân hàng hướng dẫn. Cụ thể là do ông Trần Anh Thiết - Phó giám đốc Chi nhánh O bank T.L và bà Trần Thị Phương - Giám đốc khách hàng cá nhân của O bank có vướng mắc liên quan đến 82 khách hàng thuộc diện nợ xấu mà Công ty cổ phần Phát triển nguồn nhân lực và Dịch vụ D.KViệt Nam (sau đây viết tắt là Công ty PMC) giới thiệu vay tiền để nộp đi xuất khẩu lao động tại Berlarus. Dự định Công ty PMC đứng ra vay tiền nhưng không đủ điều kiện nên đã nhờ ông N.V.Q, bà N.T.H.A thế chấp tài sản của mình để vay 1.430.000.000 đồng. Ông Trần Anh Thiết và bà Trần Thị Phương hứa hẹn O bank có đủ thông tin của 82 khách hàng vay và những công cụ cần thiết để thu hồi nợ như: 82 khách hàng đã vay vốn là người lao động, có thân nhân là người cùng trách nhiệm trả nợ; ngoài ra, số tiền vay còn được mua bảo hiểm tại PVI Hà Nội (Bảo hiểm D.KHà Nội); ông N.V.Q, bà N.T.H.A không phải trả lãi hàng tháng và sẽ thu hồi nợ của 82 khách hàng để trả lại tài sản thế chấp cho ông N.V.Q, bà N.T.H.A.

Về thế chấp tài sản: Ông N.V.Q khai chỉ là người đứng tên hộ mẹ vợ là bà N.T.X trong giấy tờ căn hộ số 412 đơn nguyên B tầng 4 công trình: Tòa nhà chung cư 17 tầng thuộc dự án khu nhà ở P.K. Số tiền mua căn hộ này là của bà N.T.X. Hiện căn hộ có 04 người đang quản lý, sử dụng là bà N.T.X, chị N.T.P.T, cháu Đ.V.L.Đ và cháu Đặng Thị Mộc Trà. Do ông Trần Anh Thiết và bà Trần Thị Phương là cán bộ ngân hàng nói rằng căn hộ dùng là tài sản thế chấp chưa có Giấy chứng nhận sở hữu (sổ đỏ) nên chỉ sử dụng để hợp thức vay tiền xử lý trong thời gian thu hồi nợ. Trong hợp đồng tín dụng đã ký không ghi đủ thông tin về hợp đồng thế chấp công chứng. Thời gian đầu tham gia tổ tụng ông N.V.Q khai không nhớ tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng nêu trên thì vợ chồng có ký hợp đồng sửa chữa và lắp đặt thiết bị với Công ty cổ phần thiết kế kiến trúc L.V hay không. Sau đó ông N.V.Q khai có ký hợp đồng sửa chữa và lắp đặt thiết bị với Công ty cổ phần thiết kế kiến trúc L.V nhưng không được nhận và lưu giữ hợp đồng đó. Ông N.V.Q khẳng định không nhận được khoản tiền vay 1.430.000.000 đồng như hợp đồng tín dụng đã ký nhưng thừa nhận có ký giấy đề nghị giải ngân và giấy nhận nợ với O bank. Ông N.V.Q thừa nhận O bank đã chuyển 1.430.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của ông N.V.Q là 35535533892400017 tại O bank sau đó chuyển cho Công ty cổ phần thiết kế kiến trúc L.V có số tài khoản 3503502160700038 cùng O bank theo ủy nhiệm chi do ông N.V.Q ký. Sau đó toàn bộ số tiền này được chuyển đến Trung tâm xuất khẩu lao động và dịch vụ Petromanning cùng ngày 29/11/2011 theo số tài khoản 35035021607288016. Sau khi chuyển tiền về tài khoản Công ty PMC thì toàn bộ số tiền trên được O bank khấu trừ để tất toán cho 82 khoản vay của 82 lao động được Công ty PMC giới

thiệt cho O bank cho vay theo hợp đồng hợp tác số 10.

Sau khi tất toán các khoản vay của 82 khách hàng thì O bank không thực hiện trách nhiệm thu hồi nợ. Ông N.V.Q nhiều lần liên hệ và làm việc với O bank, gửi đơn kiến nghị đến ban xử lý nội bộ nhưng chỉ được hứa hẹn mà không giải quyết. Ông N.V.Q cũng gửi đơn trình báo đến cơ quan cảnh sát điều tra công an quận Ba Đình về hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn lừa đảo khách hàng của cán bộ O bank. Đơn thư được chuyển đến Công an quận C.G giải quyết nhưng có kết quả trả lời vụ việc không dấu hiệu hình sự. Tuy nhiên, ông N.V.Q cho rằng bị lừa dối nên không đồng ý trả nợ cho O bank theo hợp đồng tín dụng đã ký.

* Quan điểm của bị đơn bà N.T.H.A:

Tại thời điểm năm 2011 ông N.V.Q trao đổi muốn sử dụng căn hộ mà vợ chồng mới mua nhưng chưa dọn về ở để thế chấp vay tiền giúp O bank thanh toán nợ xấu vì cho 82 lao động vay, sau đó O bank sẽ áp dụng các biện pháp đòi nợ để thu hồi tiền, hoàn trả lại tài sản. Do tin tưởng ông N.V.Q và bạn của ông N.V.Q nên bà N.T.H.A ký Hợp đồng tín dụng số 0462/2011/HDDTD2-O BANK07 ngày 29/11/2011 với O bank mà không nghĩ ngợi gì, vẫn tin tưởng O bank sẽ thu hồi nợ của các lao động để trả tài sản thế chấp cho vợ chồng bà N.T.H.A. Tại thời điểm thế chấp căn hộ mới mua nhưng chưa có sổ đỏ và cũng được giải thích là để hợp thức hóa trong một thời gian khi ngân hàng thu hồi tiền nợ của lao động. Do tin tưởng nên bà N.T.H.A ký hợp đồng thế chấp số số 111998/HĐTC, quyển số 14 ngày 29/11/2011 lập tại Văn phòng công chứng Đào và Đồng nghiệp. Bà N.T.H.A cũng khẳng định không nhận được tiền từ hợp đồng vay sửa chữa nhà. Toàn bộ hồ sơ là do các cán bộ ngân hàng dựng lên là để hợp thức hóa.

* Quan điểm của bà N.T.X:

Bà N.T.X cho con gái N.T.H.A và con rể là N.V.Q vay 800.000.000 đồng để mua căn hộ P412 chung cư A.L ngõ 43 P.K, phường T.V, quận N.T.L, thành phố Hà Nội. Do vợ chồng ông N.V.Q, bà N.T.H.A không nhu cầu ở nên bà N.T.X dọn về ở và trực tiếp quản lý, sử dụng căn hộ từ năm 2011 đến nay mà không sửa chữa hay cải tạo gì thêm. Bà N.T.X không được ông N.V.Q và bà N.T.H.A bàn bạc khi ký hợp đồng tín dụng cũng như hợp đồng thế chấp căn hộ nêu trên. Bà N.T.X cho rằng hợp đồng vay vốn sửa chữa, lắp đặt thiết bị giữa O bank với ông N.V.Q, bà N.T.H.A là không đúng sự thật, có dấu hiệu lừa đảo nên đề nghị Tòa án làm sáng tỏ vụ việc, đem lại công bằng cho gia đình.

* Chị N.T.P.T đồng thời là người đại diện cho hai con là cháu Đ.V.L.Đ và Đặng Thị Mộc Trà được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện G.L đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ.D (O bank) đối với ông N.V.Q và bà N.T.H.A.

2. Buộc ông N.V.Q và bà N.T.H.A phải trả tiền cho Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ.D (O bank) theo Hợp đồng tín dụng số 0462/2011/HDDTD2-O BANK07 ngày 29/11/2011 và khế ước nhận nợ kèm theo số tiền nợ tính đến hết ngày 22/7/2020 là 4.706.368.333 đồng, gồm các khoản:

- Tiền gốc vay: 1.430.000.000 đồng.
- Tiền lãi trong hạn: 281.948.333 đồng.
- Tiền lãi quá hạn: 2.994.420.000 đồng.

Kể từ ngày 23/7/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kèm theo. Trường hợp các bên có thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

3. Trường hợp ông N.V.Q và bà N.T.H.A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ.D (O bank) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, tổ chức phát mại tài sản thế chấp là căn hộ 412 đơn nguyên B tầng 4 công trình: Tòa nhà chung cư 17 tầng thuộc dự án khu nhà ở P.K tại địa chỉ: Thôn P.K, xã T.V, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là địa chỉ: P412 chung cư A.L, ngõ 43 P.K, phường T.V, quận N.T.L, thành phố Hà Nội) theo Hợp đồng thế chấp số 111998/HĐTC, quyển số 14 ngày 29/11/2011 được hai bên ký tại Văn phòng công chứng Đào và Đồng nghiệp; tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội ngày 16/12/2011 để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên tài sản thế chấp có nghĩa vụ di chuyển đi nơi khác để thi hành án.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp, số tiền phát mại không đủ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn

một thành viên Đ.D (O bank) thì ông N.V.Q, bà N.T.H.A có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ.D (O bank).

Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền ông N.V.Q, bà N.T.H.A phải trả cho Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ.D (O bank) thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản nợ được trả cho ông N.V.Q, bà N.T.H.A.

4. Trường hợp ông N.V.Q, bà N.T.H.A trả được toàn bộ khoản nợ trên thì Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ.D (O bank) có trách nhiệm trả lại ông N.V.Q, bà N.T.H.A giấy tờ nhà đất đã thế chấp và làm thủ tục giải chấp ngay.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ.D (O bank) về việc buộc ông N.V.Q, bà N.T.H.A phải thanh toán tiền phạt chậm trả lãi.

6. Về án phí:

- Ông N.V.Q, bà N.T.H.A phải chịu 112.706.368 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ.D (O bank) phải chịu 27.615.992 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ trong số tiền 52.179.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2010/0002773 ngày 19/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.L, thành phố Hà Nội.

- Trả lại Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ.D (O bank) số tiền **24.563.008** đồng đã nộp tạm ứng án phí sau khi đối trừ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/10/2020 bà N.T.H.A mới nộp đơn kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm vì lý do:

- Bà N.T.H.A cho rằng bị lừa dối khi ký hợp đồng tín dụng. Bản án sơ thẩm không xem xét lời khai về sự phát sinh và tồn tại của Hợp đồng tín dụng, lý do vay tiền để sửa chữa căn hộ chỉ là ngụy tạo vì không có biên bản nghiệm thu, hồ sơ cho việc sửa chữa căn hộ. Cần phải xác định có tình tiết giữa bà N.T.H.A với Công ty Cổ phần kiến trúc L.V không phát sinh việc tu sửa nhà.

- Tòa án không tạm ngừng phiên tòa xét xử sơ thẩm để xác minh thêm chứng cứ để xác định Hợp đồng tín dụng số 0462/2011/HDDTD2-O BANK07 ngày 29/11/2011 là giả tạo.

- Bản án xét xử sơ thẩm nhưng không triệu tập những người có liên quan như Công ty Cổ phần kiến trúc L.V, ông Trần Anh Thiết và bà Trần Thị Phương là cán bộ của O bank mà ông N.V.Q đã gửi đơn tố cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà N.T.H.A vắng mặt và ủy quyền cho ông N.V.Q đại diện tranh tụng thể hiện quan điểm giữ nguyên nội dung kháng cáo. Ông N.V.Q cho rằng Tòa án xét xử sơ thẩm đã xác định sai tư cách khởi kiện. O bank không còn là chủ sở hữu đối với khoản nợ mà ông N.V.Q, bà N.T.H.A đã vay. Thực tế O bank đã bán khoản nợ cho V. Tại thời điểm ngày 22/10/2020 CIC không có thông tin về khoản nợ nêu trên. Do đó, O bank khởi kiện vụ án là không đúng.

- Bà T.T.H, bà T.T.T và ông N.H.Đ thừa nhận O bank đã bán khoản nợ cho V và O bank tham gia tố tụng với tư cách đại diện theo ủy quyền của V khởi kiện đối với ông N.V.Q, bà N.T.H.A. Khi nộp hồ sơ khởi kiện đứng tên O bank nhưng ngay sau đó đã kịp thời nộp lại đơn khởi kiện là V. Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì buộc ông N.V.Q, bà N.T.H.A trả nợ cho O bank là chưa chính xác. Bà T.T.H, bà T.T.T và ông N.H.Đ đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội sửa lại bản án sơ thẩm về tư cách tố tụng.

- Các đương sự không thống nhất giải quyết được tranh chấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

+ Hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án và Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị bác kháng cáo của bà N.T.H.A.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập và được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở ý kiến của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng:

[1]. Xác định quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án.

Vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là ông N.V.Q và bà N.T.H.A có địa chỉ tại thôn Đồng Xuyên, xã Đ.X, huyện G.L, thành phố Hà Nội. Do đó, Tòa án nhân dân huyện G.L thụ lý và giải quyết quan hệ pháp luật tranh chấp Hợp đồng tín dụng là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện:

Mặc dù ông N.V.Q, bà N.T.H.A vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi hết hạn hợp đồng tín dụng từ 30/11/2012, trong khi ngày 21/12/2016 nguyên đơn mới nộp khởi kiện. Tuy nhiên, trong quá trình tham gia tố tụng ông N.V.Q và bà N.T.H.A không phản đối về thời hiệu. Do đó, căn cứ Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện G.L không áp dụng về thời hiệu khởi kiện để giải quyết vụ án là phù hợp.

[3]. Về thời hạn kháng cáo:

Bản án sơ thẩm chỉ có bị đơn là bà N.T.H.A kháng cáo. Tòa án nhân dân huyện G.L xét xử sơ thẩm ngày 22/7/2020 bà N.T.H.A vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, đến ngày 27/10/2020 Tòa án nhân dân huyện G.L mới thực hiện tổng đạt bản án sơ thẩm cho bà N.T.H.A thông qua ông N.V.Q. Trước đó, ngày 20/10/2020 Tòa án nhân dân huyện G.L có thực hiện thủ tục niêm yết bản án đối với bà N.T.H.A. Mặt khác, Tòa án nhân dân huyện G.L còn ra Quyết định số 03/2020/QĐ-SCBSBA ngày 23/10/2020 về việc sửa chữa, bổ sung bản án và ngày 28/10/2020 mới tổng đạt cho đương sự trong đó có bà N.T.H.A. Do đó, ngày 26/10/2020 bà N.T.H.A nộp đơn kháng cáo là đảm bảo thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quan điểm của ông N.V.Q tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng Tòa án nhân dân huyện G.L xác định tư cách tố tụng không đúng. Thấy rằng: O bank đã bán khoản nợ của vợ chồng ông N.V.Q, bà N.T.H.A cho V thể hiện tại Hợp đồng mua bán nợ số 4945/2014/MBN.V2-OJB ngày 29/10/2014. Sau đó, V có Hợp đồng ủy quyền số 4946/2014/UQ.V2-OJB ngày 29/10/2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng ủy quyền số 21305/2015/UQ1.V2-OJB ngày 06/10/2015 về việc ủy quyền cho O bank khởi kiện. Tòa án nhân dân huyện G.L xác định O bank là nguyên đơn trong vụ án là không chính xác. Tuy nhiên, nhầm lẫn về tố tụng như trên là không nghiêm trọng, không thay đổi nghĩa vụ trả nợ của ông N.V.Q và bà N.T.H.A phát sinh từ hợp đồng tín dụng đã ký. Cần chấp nhận quan điểm của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn để sửa tư cách tố tụng và rút kinh nghiệm với Tòa án nhân dân huyện G.L.

Về nội dung:

[4]. Xét hợp đồng tín dụng và nghĩa vụ trả nợ:

Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 0462/2011/HĐTD2-O BANK ngày 29/11/2011 thể hiện: O bank cho ông N.V.Q, bà N.T.H.A vay số tiền 1.430.000.000 đồng; Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên. Mục đích vay: Sửa chữa nhà cửa và lắp đặt thiết bị. Lãi suất 20%/năm, lãi

suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi suất phạt chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả gốc và lãi là: Trả nợ gốc và trả nợ lãi vào cuối kỳ.

Bà N.T.H.A kháng cáo đề nghị làm rõ về mục đích vay tiền theo hợp đồng để xác định hợp đồng là ngụy tạo. Nếu vợ chồng bà N.T.H.A vay để sửa nhà thì phải có biên bản nghiệm thu, hồ sơ thanh toán. Bà N.T.H.A đề nghị xem xét đường đi của số tiền vay theo hợp đồng tín dụng. Thấy rằng:

[4.1]. Tại Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 0462/2011/HĐTD2-O BANK (BL 22) kèm Giấy nhận nợ ngày 29/11/2011 có chữ ký của ông N.V.Q, bà N.T.H.A đều ghi mục đích vay tiền là sửa chữa nhà cửa và lắp đặt thiết bị. Nội dung này hoàn toàn phù hợp với:

- Ủy nhiệm chi ngày 29/11/2011 do ông N.V.Q ký chuyển tiền cho Công ty cổ phần Thiết kế - Kiến trúc L.V với nội dung: Thanh toán tiền theo hợp đồng sửa chữa và lắp đặt thiết bị.

- Hợp đồng số 051111/HĐ/XD ngày 28/10/2011 về việc giao khoán sửa chữa và lắp đặt thiết bị.

- Biên bản số 051111/HĐ/XD ngày 25/12/2011 thanh lý hợp đồng giao khoán sửa chữa và lắp đặt thiết bị.

- Biên bản nghiệm thu giai đoạn ngày 25/12/2011 ký giữa ông N.V.Q và Công ty Cổ phần thiết kế kiến trúc L.V là để thi công sửa chữa nhà cửa và lắp đặt thiết bị căn nhà tại thôn Đồng Xuyên, xã Đ.X, huyện G.L, thành phố Hà Nội.

Ông N.V.Q và bà N.T.H.A đều thừa nhận đã ký trong các văn bản nêu trên. Do đó, xác định Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 0462/2011/HĐTD2-O BANK kèm Giấy nhận nợ ngày 29/11/2011 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện. Chủ thể tham gia giao dịch dân sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với các quy định tại Điều 122, Điều 123, Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và các quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các t.c.t.d năm 2010; Điều 7 và điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định số 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước nên có hiệu lực.

Ông Nguyễn Quang An và bà N.T.H.A cho rằng hợp đồng tín dụng là ngụy tạo là không cơ sở. Mặt khác, việc N.V.Q và bà N.T.H.A sử dụng tiền sau khi vay không thuộc trách nhiệm của O bank. Do vậy kháng cáo của bà N.T.H.A liên quan đến mục đích vay tiền để cho rằng hợp đồng tín dụng ngụy tạo nên không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là không căn cứ chấp nhận.

[4.2]. Xét yêu cầu của V đòi nợ gốc, nợ lãi:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ đủ cơ sở xác định ông N.V.Q và bà N.T.H.A nợ O bank số tiền nợ gốc là 1.430.000.000 đồng. Do O bank đã bán khoản nợ cho V nên buộc ông N.V.Q và bà N.T.H.A trả V số tiền gốc đã vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về yêu cầu trả tiền lãi: Mức lãi suất được hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 0462/2011/HĐTD2-O BANK ngày 29/11/2011 là 20%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; lãi suất phạt chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất thỏa thuận nêu trên phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật t.c.t.d năm 2010, khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 1627/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam và hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về lãi, lãi suất, phạm vi phạm. Do đó, đối với lãi suất mà O bank áp dụng trong Hợp đồng tín dụng ký kết với ông N.V.Q, bà N.T.H.A như bản giải trình về tính lãi mà Ngân hàng xuất trình là đúng quy định pháp luật. Bản án sơ thẩm buộc ông Quang, bà An phải thanh toán cho Ngân hàng số nợ lãi tính từ khi vi phạm đến ngày 22/07/2020 trong đó nợ lãi trong hạn là 281.948.333 đồng; nợ lãi quá hạn là 2.994.420.000 đồng là có căn cứ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông N.V.Q, bà N.T.H.A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

[4.3]. Về yêu cầu phạt lãi phạt chậm trả:

Bản án sơ thẩm căn cứ các quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành quy chế cho vay của t.c.t.d đối với khách hàng, được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 28/2002/QĐ-NHNN ngày 11/01/2002; Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005; Quyết định số 783/2005/QĐ-NHNN ngày 31/5/2005; Điều 8, điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền phạt chậm trả lãi là 590.399.810 đồng là có căn cứ.

[5]. Bà N.T.H.A kháng cáo việc Tòa án xét xử sơ thẩm nhưng không triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Công ty Cổ phần Thiết kế - Kiến trúc L.V và cán bộ của O bank là ông Trần Anh Thiết, bà Trần Thị Phương liên quan đến việc thực hiện hợp đồng tín dụng. Thấy rằng:

Như đã nhận định tại mục [4.1] nêu trên, theo hợp đồng tín dụng đã ký thì vợ chồng ông N.V.Q, bà N.T.H.A vay tiền là để sửa chữa, lắp đặt thiết bị nhà ở. Việc ông N.V.Q, bà N.T.H.A đã ký nhận nợ và số tiền được chuyển vào tài khoản cá nhân của ông N.V.Q thì từ thời điểm này đã phát sinh trách nhiệm trả nợ. Sau khi nhận được tiền trong tài khoản, ông N.V.Q ký ủy nhiệm chi cho Công ty Cổ phần Thiết kế - Kiến trúc L.V để thực hiện Hợp đồng số 051111/HĐ/XD ngày 28/10/2011 về việc giao khoán sửa chữa và lắp đặt thiết bị giữa hai bên. Quan hệ pháp luật giữa ông N.V.Q, bà N.T.H.A với Công ty Cổ phần Thiết kế - Kiến trúc L.V không ràng buộc quyền lợi, nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng giữa ông N.V.Q, bà N.T.H.A với O bank. Do đó, Tòa án nhân dân huyện G.L xét xử sơ thẩm không xác định để đưa Công ty Cổ phần Thiết kế - Kiến trúc L.V tham gia tố tụng với tư cách đương sự có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông N.V.Q, bà N.T.H.A cung cấp thông tin là việc gửi thư điện tử giữa [thulyv@O bank.vn](mailto:thulyv@Obank.vn) và [huongnt4@O bank.vn](mailto:huongnt4@Obank.vn) với vuthilanhuong87 và ông N.V.Q về việc hướng dẫn làm hồ sơ vay tiền cũng như tài liệu sao kê sổ phụ tài khoản tiền gửi của số tài khoản 3503502160720016 của TTXKLĐ&DV PETROMANNING từ ngày 01/01/2009 đến ngày 15/3/2017; sao kê sổ phụ tài khoản tiền gửi của số tài khoản 3503502160720038 tên tài khoản TTXKLĐVADV ETROMANNING-LCKQBL-VND từ ngày 01/9/2009 đến ngày 15/3/2017. Thấy rằng: Đây là những thông tin về việc O bank hướng dẫn thủ tục để ông N.V.Q vay tiền, không chứa đựng ràng buộc hay trách nhiệm của cá nhân, tổ chức nào khác ngoài bên vay. Như đã phân tích và nhận định ở trên, việc ông N.V.Q, bà N.T.H.A ký hợp đồng tín dụng, ký nhận nợ, trực tiếp nhận tiền vào tài khoản và ủy nhiệm chi cho Công ty Cổ phần Thiết kế - Kiến trúc L.V thì phải chịu nghĩa vụ trả nợ đối với khoản tiền đã vay.

Ông N.V.Q, bà N.T.H.A cho rằng hợp đồng vay tiền là ngụy tạo, bị lừa dối và gửi đơn tố cáo đến cơ quan công an về hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn của các cán bộ O bank chi nhánh T.L lừa dối khách hàng. Tuy nhiên, sau đó ông N.V.Q cũng cung cấp Thông báo số 732 ngày 23/8/2017 của Công an quận C.G đã trả lời có nội dung: Việc ông N.V.Q ký hợp đồng vay vốn với O bank là quan hệ pháp luật dân sự, được điều chỉnh bởi Bộ luật Dân sự, không có dấu hiệu tội phạm. Không căn cứ xác định các cán bộ của O bank là đương sự có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự để triệu tập tham gia tố tụng như lý do kháng cáo của bà N.T.H.A.

[6]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Để đảm bảo cho khoản vay ngày 29/11/2011, ông N.V.Q và bà N.T.H.A đã ký kết Hợp đồng thế chấp số công chứng 111998/HĐTC, quyền số 14 ngày 29/11/2011 tại Văn phòng công chứng Đào và đồng nghiệp. Theo đó tài sản thế chấp là căn hộ số 412 đơn nguyên B tầng 4 công trình: Tòa nhà chung cư 17 tầng thuộc dự án khu nhà ở P.K tại địa chỉ: Thôn P.K, xã T.V, huyện Từ Liêm, Hà Nội (nay là địa chỉ: P412 chung cư A.L, ngõ 43 P.K, phường T.V, quận N.T.L, Hà Nội). Căn hộ này thuộc dự án của chủ đầu tư là Công ty CP đầu tư A.L đã bán cho bà Nguyễn Thị Kim Duyên, địa chỉ: tập thể trường Đại học ngoại ngữ, phường T.X Bắc, quận T.X, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng mua bán căn hộ số 32/2010/HĐMB-CCPK ngày 30/12/2010 (BL 388). Ngày 03/3/2011, ông Lê Trung Dũng, bà Nguyễn Thị Kim Duyên đã bán lại cho ông N.V.Q theo Văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà đã được công chứng tại VPCC A1 số công chứng 217.2011/VBCNHĐMBNO (BL 379). Căn cứ các Điều 21, Điều 22, Điều 91 và Điều 93 Luật nhà ở năm 2005 ông N.V.Q có quyền sở hữu hợp pháp căn hộ số 412 đơn nguyên B tầng 4 công trình: Tòa nhà chung cư 17 tầng thuộc dự án khu nhà ở P.K kể từ thời điểm được công chứng là ngày 03/3/2021.

Ông N.V.Q và bà N.T.H.A đã ký hợp đồng ủy quyền số công chứng 111999/HĐUQ ngày 29/11/2011 thế chấp tài sản cho Ngân hàng O bank. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội ngày 16/12/2011 theo quy định pháp luật.

Ông N.V.Q cho rằng tài sản thế chấp là của mẹ vợ, trong khi bà N.T.X khai cho vợ chồng con gái, con rể tiền để mua căn hộ. Tài sản này đứng tên sở hữu của vợ chồng ông N.V.Q. Do đó, ông N.V.Q khai tài sản thế chấp của bà N.T.X là không phù hợp. Bà N.T.H.A cho rằng do tin tưởng chồng nên đồng ý ký hợp đồng thế chấp tài sản cũng không là căn cứ để thay đổi nghĩa vụ của mình.

Như vậy, Hợp đồng thế chấp tài sản giữa ông N.V.Q, bà N.T.H.A với Ngân hàng O bank được ký kết trên cơ sở tự nguyện, tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu của bên bảo đảm, đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện. Do đó, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của Ngân hàng O bank là có căn cứ.

Lý do kháng cáo của bà N.T.H.A đều không căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, cần sửa án sơ thẩm về tư cách nguyên đơn như Hội đồng xét xử đã nhận định phần trên.

[7]. Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên bà N.T.H.A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm mà được trả lại tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Từ nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Sửa tư cách nguyên đơn tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DSST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện G.L, thành phố Hà Nội. Cụ thể:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các t.c.t.d Việt Nam do Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ.D (O bank) đại diện theo ủy quyền đối với ông N.V.Q và bà N.T.H.A.

2. Buộc ông N.V.Q và bà N.T.H.A phải trả tiền cho Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các t.c.t.d Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 0462/2011/HDDTD2-O BANK07 ngày 29/11/2011 và khế ước nhận nợ kèm theo số tiền nợ tính đến hết ngày 22/7/2020 là 4.706.368.333 đồng, gồm các khoản:

- + Tiền gốc vay: 1.430.000.000 đồng.
- + Tiền lãi trong hạn: 281.948.333 đồng.
- + Tiền lãi quá hạn: 2.994.420.000 đồng.

Kể từ ngày 23/7/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kèm theo. Trường hợp các bên có thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

3. Trường hợp ông N.V.Q và bà N.T.H.A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các t.c.t.d Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, tổ chức phát mại tài sản thế chấp là căn hộ 412 đơn nguyên B tầng 4 công trình: Tòa nhà chung cư 17 tầng thuộc dự án khu nhà ở P.K tại địa chỉ: Thôn P.K, xã T.V, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là địa chỉ: P412 chung cư A.L, ngõ 43 P.K, phường T.V, quận N.T.L, thành phố Hà Nội) theo Hợp đồng thế chấp số 111998/HĐTC, quyền số 14 ngày 29/11/2011 được hai bên ký tại Văn phòng công chứng Đào và Đồng nghiệp; tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội ngày 16/12/2011 để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên tài sản thế chấp có nghĩa vụ di chuyển đi nơi khác để thi hành án.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp, số tiền phát mại không đủ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các t.c.t.d Việt Nam thì ông N.V.Q, bà N.T.H.A có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền còn nợ cho Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các t.c.t.d Việt Nam.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền ông N.V.Q, bà N.T.H.A phải trả cho Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các t.c.t.d Việt Nam thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản nợ được trả cho ông N.V.Q, bà N.T.H.A.

4. Trường hợp ông N.V.Q, bà N.T.H.A trả được toàn bộ khoản nợ trên thì Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các t.c.t.d Việt Nam có trách nhiệm trả lại ông N.V.Q, bà N.T.H.A giấy tờ nhà đất đã thế chấp và làm thủ tục giải chấp ngay.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các t.c.t.d Việt Nam về việc buộc ông N.V.Q, bà N.T.H.A phải thanh toán tiền phạt chậm trả lãi.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông N.V.Q, bà N.T.H.A phải chịu 112.706.368 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các t.c.t.d Việt Nam phải chịu 27.615.992 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ trong số tiền 52.179.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2010/0002773 ngày 19/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.L, thành phố Hà Nội. Trả lại Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các t.c.t.d Việt Nam số tiền 24.563.008 đồng đã nộp tạm ứng án phí sau khi đối trừ.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà N.T.H.A không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai số 5648 ngày 16/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.L, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND huyện G.L;
- Chi cục THADS huyện G.L;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ/ VPTA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Trí Cường